

Bản án số: 07/2018/HS-PT

Ngày: 12-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Dương Xuân Tuấn.

Bà Lê Thị Hiền.

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông: Lê Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 227/2017/TLPTHS ngày 05/12/2017 đối với bị cáo: Vũ Đình Q và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Vũ Đình Q, Sinh ngày: 07/6/1968.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Vũ Đình T và bà Lê Thị N; có vợ là: Trịnh Thị B và 03 con, sinh năm 1990, 1993 và 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Xuân V, Sinh ngày: 02/02/1960.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lê Xuân C (đã chết); Con bà: Lê Thị K; có vợ là: Lê Thị D và 03 con, sinh năm 1984, 1987 và 1989; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Quý L, Sinh ngày: 20/8/1986.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Quý L và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Duy H1, Sinh ngày: 22/8/1988.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lê Văn B và bà: Lê Thị N; có vợ là Khương Thị L và 02 con, sinh năm 2012 và 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn H2 . (tên gọi khác: Nguyễn Duy H2)

Sinh ngày 25 tháng 7 năm 1980; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết); Con bà: Lê Thị Đ; có vợ là Mai Thị D và 02 con, sinh năm 2008 và 2014; Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 15/5/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 4 năm tù về tội “cướp tài sản”, phải nộp 50.000đ án phí HSST, 50.000đ án phí DSST và liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 150.000đ. Đã thi hành xong hình phạt tù vào ngày 28/4/2005, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội chưa thi hành phần án phí và bồi thường thiệt hại. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn H3, Sinh ngày: 17/4/1982.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã Định T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H; có vợ là: Nguyễn Thị H và 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn S, Sinh ngày: 21/8/1979.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Đ, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn B và bà Đào Thị H; có vợ là Lê Thị K và 03 con, sinh năm 2002, 2003 và 2009; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2017 đến ngày 20/02/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/02/2017, Lê Duy H1 cùng với Lê Xuân V và Nguyễn Quý L đến chơi nhà Vũ Đình Q. Trong khi ngồi uống nước, nói chuyện với nhau, Q rủ mọi người đánh bài ăn tiền, được mọi người đồng ý, Q đi ra ngoài đường gọi điện thoại cho Nguyễn Văn S nhờ đến trông coi cho Q đánh bạc; S đồng ý, sau đó đến gặp Q ở ngoài đường, ngay gần nhà. Q nói trông hộ cho Q đánh bài, nếu có Công an thì báo cho Q biết, hai bên không đặt ra việc hưởng lợi gì mà chỉ vì tình cảm, quen biết nên S nể và đồng ý trông hộ. Sau đó Q dẫn cả ba đến ngôi nhà bỏ hoang của gia đình ông Vũ Văn C ở cùng thôn với Q để đánh bạc. Khi đến nơi thấy có bài trong nhà nên Q trải chiếu, lấy bài xuống nền nhà rồi cùng nhau đánh bạc.

Hình thức chơi là đánh “Liêng”, cụ thể: dùng bài tứ lơ khơ 52 cây, chia cho mỗi người 3 cây, mỗi ván mỗi người chơi đặt tối thiểu 20.000 đồng, rồi lật bài tính điểm, nếu ai không theo nữa (tức là thua) thì úp bài xuống chiếu, ai theo tiếp thì phải đặt cược thêm tiền nhưng tối đa không quá 200.000 đồng, sau đó tiếp tục lật bài tính điểm, bài được tính cao nhất là “Sấp” nghĩa là có 03 cây trùng nhau; tiếp đến là “Liêng” nghĩa là có 03 cây dọc liền kề; rồi đến “Đĩ” là có 03 cây bài hình người và cuối cùng là tính điểm, điểm 9 là cao nhất; người nào có điểm cao nhất sẽ thắng và được ăn cả số tiền của những người chơi khác đã đặt cược.

Trường hợp có từ hai người có điểm cao bằng nhau thì gọi là “Ván chào”, khi đó cả hội thống nhất cắt ra 20.000 đồng để mua nước uống và thuốc lá, số tiền còn lại sẽ chia cho người có bài chào được hưởng, tiếp đó người chơi đặt tiền 50.000 đồng để tham gia chơi ván tiếp theo được gọi là đánh ván chào. Chơi đến khoảng 22 giờ thì có Vũ Đức H4 đến và cùng tham gia đánh bạc. Tiếp đó đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì có Nguyễn Văn H3 và Nguyễn Văn H2 đến chơi rồi tham gia đánh bạc luôn.

Đến khoảng 01 giờ ngày 14/02/2017, khi cả hội đang đánh bạc thì S ở ngoài phát hiện có một số người đang đi đến khu vực đánh bạc, nghi là Công an nên S đã gọi điện thoại báo cho Q, Q liền nói với mọi người đồng thời tất cả đứng dậy không chơi nữa và định bỏ chạy thì Công an ập vào bắt, H4 và H1 trốn thoát; còn S sau khi gọi điện báo cho Q biết là Công an đến thì bỏ về nhà. Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.360.000 đồng, 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây. Ngoài ra còn thu giữ trong người và tiền các đối tượng giao nộp là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; trong đó của V 5.300.000 đồng, H3 là 1.700.000 đồng, H2 là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 15.360.000 đồng; đồng thời thu giữ của Q 01 điện thoại di động liên quan đến việc đánh bạc.

Chiều ngày 14/02/2017 Vũ Đức H4 và Lê Duy H1 đến Công an huyện Y đầu thú, ngày 16/02/2017 S đến Công an huyện Y đầu thú khai báo về hành vi

phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại liên quan đến việc phạm tội cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản án số 46/2017/HSST ngày 26/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Tuyên bố: Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Lê Duy H1, Nguyễn Quý L, Vũ Đức H4, Nguyễn Văn H2(tên gọi khác: Nguyễn Duy H2), Nguyễn Văn H3 và Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1 điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 33; khoản 1 điều 20; điều 53 của Bộ luật Hình sự (BLHS)

Xử phạt: Vũ Đình Q 10 tháng tù nhưng được trừ 06 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt Lê Duy H1 05 tháng tù nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 điều 248; điểm h, p khoản 1 điều 46; điều 33; khoản 1 điều 20, điều 53 BLHS.

Xử phạt Lê Xuân V 08 tháng tù nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Quý L 06 tháng tù nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 điều 248; điểm p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; điều 33; khoản 1 điều 20; điều 53 BLHS.

Xử phạt Nguyễn Văn H2 (tên gọi khác Nguyễn Duy H2) 05 tháng tù nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 điều 248; điểm h, p khoản 1 điều 46; khoản 1, khoản 2 điều 60; khoản 1 điều 20; điều 53 BLHS.

Xử phạt Nguyễn Văn H3 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm .

Áp dụng: khoản 1 điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, khoản 1 điều 30; khoản 1 điều 20; điều 53 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn S 11.000.000 đồng(*Mười một triệu đồng*), để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 248; khoản 2 điều 30 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bổ sung Vũ Đình Q 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bổ sung Lê Xuân V, Nguyễn Quý L và Lê Duy H1 mỗi bị cáo 5.000.000đ(*Năm triệu đồng*) để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bổ sung Vũ Đức H4, Nguyễn Văn H2 (tên gọi khác Nguyễn Duy H2) và Nguyễn Văn Hân mỗi bị cáo 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) để sung quỹ nhà nước.

Khoản tiền phạt đối với các bị cáo phải nộp một lần trong thời hạn 03(ba) tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử phạt Vũ Đức H4: 03 tháng tù, quyết định về xử lý vật chứng, tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 02/11/2017, Lê Xuân V làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/11/2017, Vũ Đình Q làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm hình phạt bổ sung; Lê Duy H1 làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; Nguyễn Văn H2 làm đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 06/11/2017, Nguyễn Quý L làm đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Vũ Đức H4, ngày 07/11/2017, H4 làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 07/01/2018, H4 có văn bản rút toàn bộ kháng cáo. Tại quyết định số 02/2018/HS-PT ngày 09/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định đình chỉ xét xử việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vũ Đức H4 về tội “Đánh bạc”.

Ngày 06/11/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng:

- Cho các bị cáo Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Lê Duy H1 và Nguyễn Quý L được hưởng án treo.

- Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn H3.

- Giảm mức phạt tiền (hình phạt chính) cho Nguyễn Văn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Nguyễn Quý L, Nguyễn Văn H2 và Lê Duy H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh về việc giải quyết vụ án:

- + Rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y về nội dung đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H3. Rút phần kháng nghị giảm mức phạt tiền là hình phạt chính đối với Nguyễn Văn S.

- + Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y và kháng cáo của các bị cáo về nội dung cho các bị cáo Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Nguyễn Quý L và Lê Duy H1 được hưởng án treo, do các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo; bị cáo H1

ra đầu thú; bị cáo Q có bố đẻ là Thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; bị cáo V và H1 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Q, V, L, H1 đều đã tự nguyện nộp đủ số tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt của Nguyễn Văn H2, do H2 tham gia đánh bạc sau, thành khẩn khai báo, có bố đẻ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Đình Q về nội dung xin giảm hình phạt bổ sung; không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Quý L về nội dung kháng cáo xin giảm một phần hình phạt.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với nội dung đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo Vũ Đình Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt bổ sung; các bị cáo khác không đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, một lần nữa các bị cáo thừa nhận: Khoảng 20 giờ ngày 13/02/2017, Lê Duy H1, Lê Xuân V và Nguyễn Quý L đến nhà Vũ Đình Q chơi, trong lúc ngồi chơi, uống nước, Q đã rủ mọi người đánh bài ăn tiền, được mọi người đồng ý, Q đã điện thoại cho Nguyễn Văn S, nhờ S cảnh giới, nếu có Công an thì báo cho Q biết. Được S đồng ý việc cảnh giới, Q dẫn H1, V, L đến ngôi nhà bỏ hoang của gia đình ông Vũ Văn C ở cùng thôn; đến nơi thấy có cỗ bài tú lơ khơ trong nhà, Q trải chiếu, lấy bài rồi cả bốn người cùng nhau đánh bạc. Hình thức đánh bạc là đánh “Liêng”, chia cho mỗi người 03 cây bài tú lơ khơ, mỗi ván người chơi đặt ít nhất 20.000 đồng, cao nhất 200.000 đồng, cách tính thắng thua được mọi người thống nhất. Đến khoảng 22 giờ Vũ Đức H4 đến cùng chơi; khoảng 22 giờ 30 phút có Nguyễn Văn H3 và Nguyễn Văn H2 đến và cùng tham gia chơi. Khoảng 01 giờ ngày 14/02/2017, S ở ngoài phát hiện có một số người đi đến, S điện thoại báo cho Q biết rồi bỏ về nhà; nhận được điện thoại từ S, Q thông báo với mọi người, H4 và H1 bỏ chạy thoát, các bị cáo còn lại bị Công an bắt quả tang, lập biên bản thu giữ tại chiếu bạc 7.360.000 đồng, thu trong người và do V, H3, H2 giao nộp 8.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 15.360.000 đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chính gia đình các bị cáo, là một trong những nguyên nhân phát sinh hành vi phạm tội khác; hành vi phạm tội

của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần xét xử nghiêm minh để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo của Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Lê Duy H1 kháng cáo xin được hưởng án treo; kháng cáo của Nguyễn Quý L xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân cho các bị cáo Q, V, L, H1 được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Q là người khởi xướng, rủ H1, V, L đánh bạc, nhờ S đứng ra cảnh giới, chủ động tìm địa điểm đánh bạc. Các bị cáo V, H1, L khi được Q rủ đã đồng ý cùng đánh bạc và tham gia đánh bạc ngay từ đầu đến khi bị Công an bắt quả tang. Với hành vi và vai trò của các bị cáo, Tòa án sơ thẩm xử phạt Q 10 tháng tù; V 08 tháng tù; L 06 tháng tù và H1 05 tháng tù là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo L về nội dung xin giảm hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo Q, V, L, H1 đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại các cơ quan pháp luật các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội không nhiều; bị cáo Q có bố là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; bị cáo H1 khi bị Công an phát hiện đã bỏ chạy, sau đó đã ra đầu thú. Với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên, Tòa án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo khỏi xã hội là nghiêm khắc, chưa cần thiết. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H1, V còn xuất trình tài liệu chứng minh có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; các bị cáo Q, V, L, H1 đều đã nộp khoản tiền phạt bổ sung theo quyết định của Tòa án sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn, hối cải. Đây là tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS. Do vậy nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị, đề nghị của Viện Kiểm sát, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của Nguyễn Văn H2 xin giảm hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo H2 tuy có tiền án nhưng là người vào tham gia đánh bạc sau cùng, đánh bạc được một thời gian ngắn thì bị bắt quả tang; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã xuất trình tài liệu chứng minh có bố để được Chủ tịch tỉnh tặng Bằng khen do có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo tự nguyện nộp khoản tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn, hối cải. Do vậy nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời đề nghị của Viện Kiểm sát, giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[5] Về kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Nguyễn Văn H3 và Nguyễn Văn H2; giảm mức phạt tiền (hình phạt chính) cho Nguyễn Văn S: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã rút kháng nghị về nội dung này; các bị cáo H3, H2 và S không có ý kiến gì về việc rút kháng nghị của Viện Kiểm sát. Việc Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh rút nội dung kháng nghị này là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị này.

[6] Về kháng cáo của Vũ Đình Q xin giảm hình phạt bổ sung: Xét thấy, tại khoản 3 Điều 248 của BLHS quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 03 triệu đồng đến 30 triệu đồng*”. Với hành vi, vai trò phạm tội của bị cáo, Tòa án sơ thẩm xử phạt bổ sung bị cáo 07 triệu đồng là phù hợp, mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp đủ 07 triệu đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, do vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo.

[7] Các bị cáo Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Nguyễn Quý L, Lê Duy H1 và Nguyễn Văn H2, sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện nộp đủ số tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, do vậy Hội đồng xét xử công nhận các bị cáo trên đã chấp hành xong hình phạt bổ sung.

[8] Về án phí: Các bị cáo Q, V, L, H1, H2 được chấp nhận kháng cáo, do vậy không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y về nội dung: Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với Nguyễn Văn H3 và Nguyễn Văn H2; giảm mức phạt tiền (hình phạt chính) cho Nguyễn Văn S.

2. Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H2; sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 của BLHS năm 1999. Xử phạt Nguyễn Văn H2: 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ 06 ngày đã tạm giữ. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Chấp nhận phần kháng cáo về nội dung xin được hưởng án treo của Nguyễn Văn L; chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Vũ Đình Q, Lê Xuân V và Lê Duy H; sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của BLHS năm 1999:

- Xử phạt Vũ Đình Q 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt Lê Xuân V 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt Nguyễn Quý L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt Lê Duy H1: 05 (năm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Quế, Vũ, Linh, Huấn cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Không chấp nhận nội dung kháng xin giảm hình phạt bổ sung cáo của Vũ Đình Q, giữ nguyên hình phạt bổ sung đối với Vũ Đình Q: Áp dụng khoản 3 Điều 248 của BLHS, phạt bổ sung Vũ Đình Q 7.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Công nhận các bị cáo: Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Nguyễn Quý L, Lê Duy H1 và Nguyễn Văn H2 đã chấp hành xong hình phạt bổ sung (phạt tiền).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14: Các bị cáo Vũ Đình Q, Lê Xuân V, Nguyễn Quý L, Lê Duy H1 và Nguyễn Văn H2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS; VP TAND tỉnh.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Thịnh